

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v “*Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán
tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thật;
2. Bà Vũ Thị Đào.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Ông Võ Hoàng Hạng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2020/QĐST-DS ngày 15/9/2020 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Võ Thị Th - sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bà Trần Thị Ng - sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã V1, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Th trình bày: Tôi có bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản nên ông Đ có đến cửa hàng của tôi mua từ ngày 05/7/2016 đến ngày 04/8/2016 thì ngưng không mua nữa nên cùng ngày 04/8/2016 tôi và ông Đ kết sổ thì ông Đ còn thiếu tôi số tiền là 46.490.000 đồng. Tôi có yêu cầu ông Đ trả nhiều lần nhưng ông Đ hứa mà không thực hiện để kéo dài đến nay. Hơn nữa, ông Đ xác định là ông có mua dùm mẹ vợ là bà Ng. Do đó, tôi yêu bà Ng cùng ông Đ trả

cho tôi số tiền trên là 46.490.000đ (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) thì mỗi người $\frac{1}{2}$ là 23.245.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Đồng thời, ông Đ có trả cho tôi được 1.000.000 đồng nên còn thiếu lại tôi số tiền là 22.245.000 đồng.

Nguyên vọng: Tôi yêu cầu ông Đ và bà Ng phải cho tôi số tiền mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản còn thiếu là 46.490.000 đồng (Trong đó bà Ng là 23.245.000 đồng, còn ông Đ là 22.245.000 đồng) và tính lãi theo qui định của pháp luật từ ngày 04/8/2016 đến khi giải quyết xong vụ án và trả một lần dứt nợ.

Tại bản tự khai đề ngày 25/5/2020 bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Vào năm 2016, tôi có mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản của bà Th để về nuôi tôm và tôi nuôi có một vụ thì ngừng không nuôi nữa nên số tiền tôi còn thiếu bà Th là 46.490.000 đồng. Bà Th có đòi nhiều lần nên tôi có hứa mà không trả được do nuôi tôm bị thất mùa nên không có khả năng trả cho bà Th. Khi tôi mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản thì tôi có mua dùm mẹ vợ tôi (bà Trần Thị Ng) nên tôi yêu cầu mẹ vợ tôi cùng trả với tôi số tiền trên cho bà Th mỗi người $\frac{1}{2}$ là 23.245.000 đồng. Hơn nữa, phần tôi thì tôi có trả cho bà Th được 1.000.000 đồng nên tôi xác định còn thiếu bà Th số tiền là 22.245.000 đồng.

Nay, tôi thừa nhận còn thiếu bà Th số tiền là 22.245.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) và tôi xin trả dần mỗi vụ lúa là 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền là 22.245.000 đồng, còn bà Th yêu cầu trả nhiều hơn thì tôi không có khả năng và yêu cầu bà Th miễn lãi luôn vì vốn tôi không có khả năng trả.

Tại bản tự khai đề ngày 17/8/2019 cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Ng trình bày: Tôi thừa nhận trước đây tôi có nhờ con rể tôi là Nguyễn Văn Đ mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản dùm của bà Th là đúng sự thật và Đinh mua năm nào tôi không nhớ nhưng trong khoảng 03 năm là 2016, 2017 hay 2018 gì đó tôi không nhớ. Sau khi mua xong đem về thả tôm nuôi thì tôi nuôi có một vụ thì ngừng không nuôi nữa.

Về tiền bạc mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là Đ mua nên tôi không biết số tiền cụ thể là bao nhiêu nhưng Đ và vợ chồng bà Th có đến nhà tôi xác định việc Đ mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản dùm cho tôi là đúng. Đồng thời, vợ chồng bà Th và Đ có xác định khi mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu số tiền là 46.490.000 đồng nên tôi đồng ý chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền trên nên phần tôi còn thiếu là 23.245.000 đồng.

Nay, tôi thừa nhận còn thiếu bà Th số tiền là 23.245.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) và tôi cũng đồng ý tính lãi như bà Th yêu cầu nhưng vốn và lãi bao nhiêu thì tôi xin trả dần trong 03 vụ lúa là hết số tiền vốn và lãi, còn bà Th yêu cầu trả một lần thì tôi không có khả năng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền

giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật nhưng đồng bị đơn là ông Đ không có mặt tại phiên tòa là không tuân thủ pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Ng phải trả cho bà Th số tiền là 45.490.000 đồng (trong đó ông Đ trả cho bà Th số tiền là 22.245.000 đ và bà Ng trả cho bà Th số tiền là 23.245.000đ) và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 04/8/2016 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ là đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông đã được Tòa án triệu tập lệ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2]. Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là ông Đ và bà Ng có mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản của bà Th về để thả nuôi là đúng sự thật.

Xét về cầu của bà Th thì thấy rằng: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Ng thừa nhận có mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản của bà Th từ ngày 05/7/2016 đến ngày 04/8/2016 còn thiếu bà Th số tiền là 46.490.000 đồng nên mỗi người trả cho bà Th là $\frac{1}{2}$ số tiền, tức là 23.245.000 đồng nhưng ông Đ đã trả cho bà Th được 1.000.000 đồng nên còn thiếu lại là 45.490.000 đồng (Trong đó ông Đ là 22.245.000đ và bà Ng là 23.245.000đ) chưa trả cho bà Th. Ông Đ, bà Ng cam kết và hẹn trả nhiều lần mà không thực hiện để kéo dài đến nay chưa thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 290 của Bộ luật dân sự 2005. Do đó, buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Ng trả số tiền còn thiếu cho bà Th là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về lãi suất: Xét về yêu cầu tính lãi suất của bà Th thì HĐXX xét thấy: Bà Th yêu cầu tính lãi suất trên tổng số tiền gốc từ ngày 04/8/2016 đến ngày xét xử là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, ông Đ, bà Ng thừa nhận việc mua bán còn nợ là phải tính lãi suất là đúng nên ông bà yêu cầu của bà Th miễn tính lãi suất vì vốn gốc không có khả năng trả. Mặc khác, giá tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản hiện nay tăng cao so với thời điểm mà ông Đ, bà Ng nên bà Th đã bị thiệt hại. Đồng thời, ông Đ, bà Ng yêu cầu bà Th miễn lãi nhưng không được bà Th chấp nhận nên không có căn cứ xem xét yêu cầu miễn lãi của ông Đ, bà Ng. Do vậy, việc bà Th yêu cầu tính lãi là đúng với thực tế và hợp pháp nên HĐXX chấp nhận.

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005 có quy định: *“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương*

ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Căn cứ vào quy định trên thì việc bà Th yêu cầu ông Đ, bà Ng phải chịu lãi chậm trả theo lãi suất Nhà nước quy định là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, về thời gian tính lãi từ ngày 04/8/2016 đến ngày xét xử là ngày 30/9/2020 là 49 tháng 26 ngày.

Nên theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm : 12 tháng = 0,75%/tháng.

Số tiền lãi ông Nguyễn Văn Đ phải trả là: $(22.245.000đ \times 0,75\%/tháng) \times 49 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 8.319.630đ$; tổng cộng vốn và lãi là: $22.245.000đ + 8.319.630đ = 30.564.630đ$ (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Số tiền lãi bà Trần Thị Ng phải trả là: $(23.245.000đ \times 0,75\%/tháng) \times 49 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 8.693.630đ$; tổng cộng vốn và lãi là: $23.245.000đ + 8.693.630đ = 31.938.630đ$ (Ba mươi một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Về việc ông Đ, bà Ng xin trả dần số tiền trên theo mỗi vụ lúa cho đến khi hết nợ cho bà Th, yêu cầu này của ông Đ, bà Ng không được bà Th chấp nhận nên buộc ông Đ, bà Ng phải có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền vốn và lãi là: Trong đó, ông Đ là 30.564.630đ (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi đồng) còn bà Ng là 31.938.630đ (Ba mươi một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

[4] Tại phiên tòa vị đại Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ do mua bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Võ Thị Th đối với ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Ng nên lời đề nghị này của vị đại Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ và đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Từ những phân tích đánh giá trên cùng với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ do mua bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Võ Thị Th đối với ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Ng. Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Ng phải trả cho bà Võ Thị Th số tiền là: Trong đó, ông Đ là 30.564.630đ (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi đồng) còn bà Ng là 31.938.630đ (Ba mươi một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí DSST có giá ngạch là: Yêu cầu của bà Võ Thị Th được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Ng phải chịu án phí là:

Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp là $30.564.630đ \times 5\% = 1.528.231,5đ$ làm tròn là 1.528.000đ (Một triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Bà Trần Thị Ng phải nộp là $31.938.630đ \times 5\% = 1.596.931,5đ$ đồng làm tròn là 1.597.000đ (Một triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Bà Võ Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.162.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008776 ngày 12/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 290, khoản 2 Điều 305, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Ng.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Th số tiền là 30.564.630đ (ba mươi triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi đồng) và bà Trần Thị Ng phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Th số tiền là 31.938.630đ (ba mươi một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Võ Thị Th cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST có giá ngạch là: Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp là 1.528.000đ (Một triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Bà Trần Thị Ng phải nộp là 1.597.000đ (Một triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Bà Võ Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.162.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008776 ngày 12/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Th, bà Trần Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 30/09/2020. Ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh